

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày 13-5-2020

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Hoài Hiem

2. Ông Ngô Minh Lý

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Hữu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa:*
Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh ĐVĐ, sinh năm: 19.., (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị NTNH, sinh năm: 19.., (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 08, ấp PD, xã PC, huyện TB (nay là thị xã TB), tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25-02-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh ĐVĐ trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị NTNH tự nguyện có tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 1994, có tìm hiểu, không đăng ký kết hôn. Ngày cưới bên chồng có cho 01 đôi bông tai, 01 sợi dây chuyền, nhưng vợ chồng đã bán để mua đất. Cưới xong vợ chồng sống chung bên gia đình anh, năm 2000 vợ chồng mua đất cất nhà ở riêng đến nay. Thời gian chung sống đến tháng 02 năm 2019 xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng sống không phù hợp, bất đồng quan điểm, không ai nói ai nghe, vợ chồng thường xuyên cãi vã, gây gổ nhau, mặc dù ở chung nhà cũng không ai quan tâm đến ai, mạnh ai làm nấy sống, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng không còn quan hệ tình cảm nhau từ tháng 02-2019. Nay anh xin ly hôn với chị H.

- *Về con chung:* Có 02 con tên ĐTNA, sinh ngày 12-12-19.. và ĐNS, sinh

ngày 19-11-19.., hiện 02 con đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, đang sống với anh chị, anh không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Có nhà, đất hiện vợ chồng đang ở, anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, anh không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Ngày 27-4-2020 anh có đơn xin giải quyết vắng mặt do bận việc gia đình.

Tại Tờ tự khai và Biên bản hoà giải ngày 27-4-2020, bị đơn chị NTNH trình bày: Chị xác nhận tất cả lời trình bày của anh Đ là đúng, vợ chồng không còn quan hệ tình cảm nhau từ tháng 02-2019. Thời gian này vợ chồng cũng không bàn việc ở lại. Nay anh Đ xin ly hôn thì chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con như anh Đ khai là đúng, các con đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Có nhà đất như anh Đ khai là đúng, chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Ngày 27-4-2020 chị có đơn xin giải quyết vắng mặt do bận việc gia đình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Anh Đ và chị H có đơn xin giải quyết vắng mặt do bận đi làm, nên xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa anh ĐVĐ và chị NTNH là vợ chồng; về con chung: Có 02 con tên ĐTNA, sinh ngày 12-12-19.. và ĐNS, sinh ngày 19-11-19.., hiện 02 cháu đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, nên không giải quyết; về tài sản chung: Anh Đ và chị H khai có nhà đất, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu, nên không giải quyết; về nợ chung: Anh chị khai không có, nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Anh Đ và chị H có đơn xin giải quyết vắng mặt do bận việc gia đình, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh chị là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Anh Đ và chị H tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 1994, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của anh chị không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay anh Đ xin ly hôn, chị H đồng ý ly hôn, Tòa án cũng không xem xét mâu thuẫn của anh chị để cho hay không cho ly hôn, mà

trường hợp của anh chị chỉ căn cứ vào Khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Đ và chị H là vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Có 02 con tên ĐTNA, sinh ngày 12-12-19.. và ĐNS, sinh ngày 19-11-19.., hiện 02 cháu đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, nên không giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Anh Đ và chị H khai có nhà đất, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu, nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Anh chị khai không có, nên không giải quyết.

[6] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Anh Đ chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 53, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Tuyên bố*: Không công nhận quan hệ giữa anh ĐVĐ và chị NTNH là vợ chồng .

2. *Về con chung*: Có 02 cháu tên ĐTNA, sinh ngày 12-12-19.. và ĐNS, sinh ngày 19-11-19.., hiện 02 cháu đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, nên không giải quyết.

3. *Về tài sản chung*: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu, nên không giải quyết;

4. *Về nợ chung*: Anh, chị khai không có, nên không giải quyết.

5. *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Anh Đ phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh Đ đã nộp theo Biên lai thu số 0018020 ngày 09-3-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Anh Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã Phước Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị An